

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42 /2024/ HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 07 -2024
V/v “ Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Thủy và ông Trần Xuân Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Sỹ Vĩ- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn.

Ngày 12 tháng 07 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2024/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 04 năm 2024 về việc “ Ly hôn, tranh chấp con chung khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXX- ST ngày 05 tháng 06 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 24/QĐ ngày 19/6/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lưu Thị T, sinh năm 1988.

Địa chỉ : Thôn B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Lê Như N, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn 8, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai và đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nguyên đơn là chị Lưu Thị T trình bày: Chị và anh Lê Như N đăng ký kết hôn ngày 16/02/2009, tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, quan điểm sống không đồng nhất, không có tiếng nói chung, mặt khác anh N có biểu hiện ngoại tình nên không quan tâm đến vợ con. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra hai bên gia đình nội ngoại đã hòa giải, khuyên nhủ nhưng không thành. Vợ chồng anh, chị sống ly thân từ tháng 5 năm 2022 đến nay, chị T đưa 03 (ba) con về nhà mẹ đẻ để ở tại huyện Y, tỉnh Thanh Hóa, vợ chồng anh chị không ai quan tâm đến

ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Như N.

Về con chung: Chị T trình bày vợ chồng có 03 (ba) người con chung, tên các cháu là Lê Như Trọng H, sinh ngày 07/10/2011, Lê Thị Hà P, sinh ngày 19/8/2015 và cháu Lê Thị Quỳnh A, sinh ngày 14/12/2019. Hiện nay các cháu đang ở trực tiếp cùng với chị T, các cháu đều ngoan, khỏe mạnh và phát triển tốt, kể từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, anh N không có trách nhiệm nuôi con chung cùng với chị T. Ly hôn nguyện vọng của chị mong muốn được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, chị yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) trên một cháu (03 cháu bằng 3.000.000đ/ tháng) kể từ tháng 4 năm 2024 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản và phân nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Lê Như N đã được Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và các giấy triệu tập hợp lệ để anh N có mặt tại Tòa án trình bày lời khai, tham dự phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa, nhưng anh N chống đối không có quan điểm nộp cho Tòa án, không đến Tòa án theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án mà không có lý do. Anh N từ bỏ quyền của mình theo quy định tại Điều 70; Điều 72 của bộ luật tố tụng dân sự để mặc cho Tòa án giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 5/6/2024 Tòa án đã phối hợp với UBND xã T đến gia đình anh N để lấy lời khai và xác minh về lý do anh N không có mặt theo giấy triệu tập. Qua báo cáo của ông Lê Như T và bà Dương Thị H (là bố mẹ đẻ của anh N) cho biết anh N không có mặt tại địa phương, các văn bản của Tòa án giao cho anh N, ông bà là người nhận thay và cam đoan sẽ giao hoặc thông báo cho anh N, ông bà đã gọi điện thoại cho anh N theo số điện thoại 0983447118 để thông báo về nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án và chụp gửi qua tài khoản zalo có tên “ con trai N” cho anh N được biết. Anh N có trao đổi với ông bà qua cuộc gọi điện thoại về nguyện vọng của anh như sau: Về hôn nhân anh không có quan điểm gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của chị T; Về con chung anh N đồng ý giao cả 03 (ba) con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, phần cấp dưỡng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Lưu Thị T. Đề nghị xử cho chị T ly hôn anh Lê Như N. Về con chung đề nghị áp dụng Điều 81; 82 và 83 luật hôn nhân gia đình, điểm a, khoản 2 Điều 482 của bộ luật tố tụng Dân sự. Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Lê Như Trọng H, Lê Thị Hà P và cháu Lê Thị Quỳnh A, anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 1.000.000đ trên một cháu kể từ tháng 4 năm

2024 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; Về tài sản: Anh chị không yêu cầu nên không xem xét; Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 147, khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc Hội. Buộc chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. *Về tố tụng*: Đây là vụ án “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Lê Như N có địa chỉ cư trú trên địa bàn huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Lưu Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Lê Như N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, mặc dù không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan nào, nhưng anh N trốn tránh không đến Tòa án, không có lý do. Vì vậy căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. *Về hôn nhân*: Chị T và anh N đăng ký kết hôn ngày 16/02/2009 tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tình yêu và sự tự nguyện, có giấy chứng nhận kết hôn số 29/2009. Như vậy việc đăng ký kết hôn của anh, chị tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị thì thấy: Mục đích kết hôn của vợ chồng anh chị là xây dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng bình đẳng, thương yêu, chung thủy và chăm sóc nhau trong cuộc sống. Nhưng do tính tình vợ chồng anh chị không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, chưa thực sự yêu thương, chăm sóc và quan tâm đến nhau, nên cuộc sống chung của anh chị không có hạnh phúc. Do không hòa giải được mâu thuẫn, nên chị T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N. Anh N trốn tránh, không có quan điểm về việc giải quyết vụ án, bỏ mặc cho Tòa án giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Xử cho chị Lưu Thị T được ly hôn anh N.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng anh, chị có 03 (ba) con chung với nhau, tên các cháu là Lê Như Trọng H, sinh ngày 07/10/2011, Lê Thị Hà P, sinh ngày 19/8/2015 và cháu Lê Thị Quỳnh A, sinh ngày 14/12/2019. Các cháu đang ở trực tiếp cùng với chị T từ tháng 5 năm 2022 cho đến nay, các cháu ngoan, khỏe mạnh và phát triển tốt. Chị T có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 03 cháu, yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung từ tháng 4/2024 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh N không trình bày quan điểm của mình về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung cho Tòa án, nhưng tại buổi xác minh bà Trương Thị

H và ông Lê Như T (là bố mẹ đẻ anh N) cho biết anh N có thông báo cho ông bà biết anh đồng ý giao cả 03 con chung cho chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Các cháu Lê Như Trọng H và Lê Thị Hà P đủ 7 tuổi trở lên đều trình bày nguyện vọng xin được ở cùng với mẹ là chị Lưu Thị T.

Vì vụ án hôn nhân và gia đình liên quan đến người chưa thành niên, nên ngày 15/05/2024 Tòa án tiến hành xác minh về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp và điều kiện nuôi con của chị T và anh N. Tại buổi xác minh UBND xã T cho biết nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị T và anh N UBND xã không biết, vì vợ chồng anh chị không có đơn trình bày, không yêu cầu các đoàn thể và chính quyền địa phương hòa giải. Vợ chồng anh, chị có 03 con chung, các cháu đang ở cùng chị T tại huyện Y, tỉnh Thanh Hóa. Các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường. Chị T và anh N đều có sức khỏe và thu nhập. Nay chị T làm đơn ly hôn anh N, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Xét nguyện vọng nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung của chị T, nguyện vọng của các bé Lê Như Trọng H và Lê Thị Hà P là những bé đủ 7 tuổi trở lên thì thấy để đảm bảo điều kiện học tập và phát triển bình thường, ổn định về tâm sinh lý của các cháu bé cần giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 1.000.000đ trên một cháu (3.000.000đ/tháng/ 03 cháu) kể từ tháng 4 năm 2024 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[4]. *Về tài sản*: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[5]. *Về án phí*: Chị T và anh N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 238; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280, điểm a, khoản 2 Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5; điểm a khoản 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

- *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị T. Xử cho chị T được ly hôn anh Lê Như N.

- *Về con chung*: Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu Lê Như Trọng H, Lê Thị Hà P và cháu Lê Thị Quỳnh A. Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 1.000.000đ trên một cháu (3.000.000đ/ tháng/ 03 cháu) kể từ tháng 4 năm 2024 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi;

Anh Lê Như N có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị T và các thành viên trong gia đình không được ngăn cấm, cản trở. Nếu trong quá trình nuôi con chung, chị T không chăm sóc chu đáo, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về sức khỏe, học tập và sinh hoạt của các cháu, thì anh N có quyền khởi kiện đến Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

- *Về tài sản:* Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

- *Về án phí:* Chị Lưu Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm không có giá ngạch. Số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai số AA/2023/0002867 ngày 04 tháng 04 năm 2024 nay trừ 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T đã nộp đủ. Anh N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quyền kháng cáo:* Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Chị T và anh N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa
- VKS Triệu Sơn
- Các đương sự
- UBND xã Đ, huyện Y
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thủy

